



lpard

AGRO@NFO

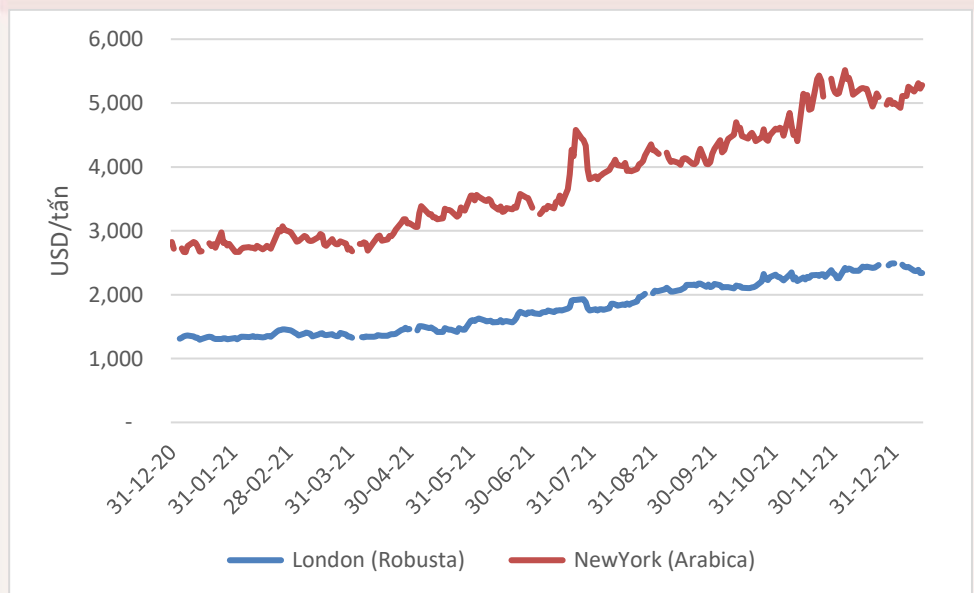
Tuần 2
(10.01.2022 – 14.01.2022)

BẢN TIN TUẦN CÀ PHÊ

ĐIỂM TIN

- ❖ Giá cà phê Robusta kỳ hạn T3/2022 giảm 3,26% so với tuần trước xuống mức bình quân 2.363 USD/tấn.
- ❖ Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 3/2022 tăng 2,81% so với mức giá tuần trước lên mức bình quân 5.245 USD/tấn.
- ❖ Sản lượng cà phê arabica của Colombia trong niên vụ 2021-2022 dự báo tăng 400.000 bao lên 13,8 triệu bao trong điều kiện tăng trưởng thuận lợi.
- ❖ Nhập khẩu cà phê của EU được dự báo sẽ giảm 1,1 triệu bao xuống còn 42,5 triệu bao và chiếm gần 40% lượng cà phê nhập khẩu của thế giới.

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE. www.theice.com

Thị trường London kỳ hạn tháng 3/2022 diễn biến giảm trong tuần. Giá cà phê Robusta trung bình đạt 2.363 USD/tấn, giảm 3,26% so với tuần trước, và tăng 80,06% so với cùng kỳ năm 2021. Giá cao nhất trong tuần đạt 2.387 USD/tấn, giá thấp nhất là 2.341 USD/tấn.

Thị trường New York kỳ hạn tháng 3/2022 diễn biến tăng trong tuần. Giá cà phê Arabica bình quân đạt 5.245 USD/tấn, tăng 2,81% so với mức giá tuần trước và tăng 90,74% so với cùng kỳ năm 2021. Giá cao nhất trong tuần đạt 5.310 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần đạt 5.179 USD/tấn.

Sản lượng cà phê arabica của Colombia trong niên vụ 2021-2022 dự báo tăng 400.000 bao lên 13,8 triệu bao trong điều kiện tăng trưởng thuận lợi. Liên đoàn Quốc gia những người trồng cà phê Colombia (FEDECAFE) ước tính rằng gần như 85% diện tích cà phê của nước này hiện được trồng bằng các giống kháng bệnh gỉ sắt, tăng mạnh so với chỉ 35% diện tích trong niên vụ 2008-2009 khi điều kiện thời tiết bất lợi khiến bệnh gỉ sắt sinh sôi, làm giảm 1/3 sản lượng.

Kể từ đó, sản lượng đã tăng khoảng 30%, phần lớn do chương trình cải tạo thay thế cây già cỗi, năng suất thấp hơn bằng các giống kháng bệnh gỉ sắt. Chương trình cũng giảm độ tuổi trung bình của cây cà phê từ 15 đến 7 năm, qua đó thúc đẩy sản lượng.

Xuất khẩu cà phê của Colombia dự kiến sẽ tăng 1,3 triệu bao lên 12,8 triệu bao trong niên vụ 2021-2022 và lượng dự trữ tiếp tục giảm.

Sản lượng của Indonesia được dự báo sẽ giảm nhẹ 100.000 bao xuống 10,6 triệu bao, với phần lớn sự sụt giảm được ghi nhận ở cà phê robusta. Sản lượng cà phê robusta của Indonesia dự kiến đạt gần 9,4 triệu bao với điều kiện phát triển thuận lợi ở các vùng đất thấp của Nam Sumatra và Java, nơi có khoảng 75% diện tích robusta của Indonesia.

Trong khi đó, mưa lớn ở phía bắc Sumatra, nơi có khoảng 60% sản lượng cà phê arabica có thể khiến sản lượng arabica giảm nhẹ xuống còn gần 1,3 triệu bao. Các kho dự trữ cà phê cuối kỳ tại Indonesia dự kiến sẽ giảm một nửa xuống chỉ còn 800.000 bao do tiêu thụ và xuất khẩu tăng mạnh.

Sản lượng cà phê của Ấn Độ niên vụ 2021-2022 được dự báo sẽ tăng 300.000 bao lên 5,5 triệu bao do sản lượng cà phê robusta tăng ở Karnataka, bang sản xuất cà phê lớn nhất của Ấn Độ. Tuy nhiên, sản lượng arabica được dự báo sẽ giảm nhẹ khi bước vào năm cuối của chu kỳ sản xuất hai năm một lần. Xuất khẩu cà phê của Ấn Độ được dự báo sẽ tăng 100.000 bao lên 3,9 triệu bao.

Tổng sản lượng và xuất khẩu cà phê tại khu vực này được dự báo cùng tăng 700.000 bao lên 19,4 triệu bao và 16,4 triệu bao. Liên minh Châu Âu (EU) chiếm gần một nửa xuất khẩu của khu vực Trung Mỹ và Mexico, tiếp theo là khoảng 1/3 đến Mỹ.

Nhập khẩu cà phê của EU được dự báo sẽ giảm 1,1 triệu bao xuống còn 42,5 triệu bao và chiếm gần 40% lượng cà phê nhập khẩu của thế giới. Các nhà cung cấp hàng đầu cho EU bao gồm Brazil (34%), Việt Nam (24%), Honduras (8%) và Colombia (6%). Dự trữ cuối kỳ của EU niên vụ 2021-2022 dự kiến giảm 2,5 triệu bao, xuống còn 11,3 triệu bao nhằm đáp ứng mức tăng của nhu cầu tiêu thụ.

Mỹ sẽ là nhà nhập khẩu cà phê lớn thứ 2 thế giới với lượng nhập khẩu dự kiến tăng 700.000 bao lên 25 triệu bao trong niên vụ 2021-2022. Trong đó, các nhà cung cấp cà phê hàng đầu cho Mỹ bao gồm Brazil (30%), Colombia (21%), Việt Nam (11%) và Nicaragua (5%). Dự trữ cuối kỳ tại Mỹ được dự báo sẽ giảm 200.000 bao xuống 5,8 triệu bao.

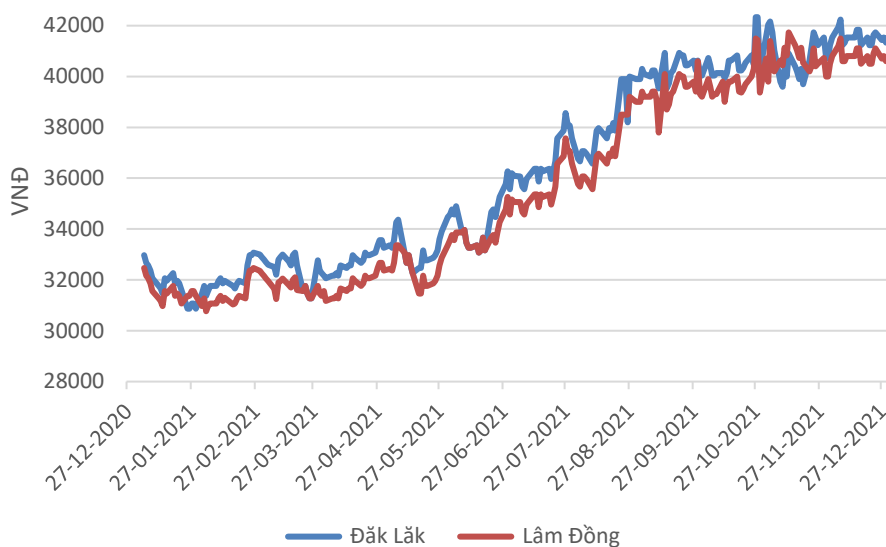
Mặc dù nhập khẩu của Mỹ và EU tăng giảm trái chiều nhưng nhìn chung tiêu thụ cà phê của 2 thị trường này được dự báo sẽ tăng 1,1% và 1,8% so với niên vụ trước, đạt lần lượt là 41,4 triệu bao và 26,4 triệu bao.

Tương tự, tiêu thụ cà phê của Brazil và Nhật Bản cũng tăng 1,3 – 1,5% trong niên vụ 2021-2022.

ĐIỂM TIN

- ❖ Giá cà phê Robusta trung bình tại các tỉnh Tây Nguyên giảm 800 đồng/kg. Giá trung bình tại Đắk Lắk là 40.227 đồng/kg. Giá trung bình tại Lâm Đồng là 39.520 đồng/kg
- ❖ Cà phê giao ngay tại cảng Sài Gòn giảm 3,22% so với tuần trước xuống mức 2.328 USD/tấn.
- ❖ Sản lượng cà phê của Việt Nam trong niên vụ 2021-2022 được dự báo sẽ phục hồi và tăng 2,1 triệu bao so với niên vụ trước lên 31,1 triệu bao sau đợt khô hạn nghiêm trọng trong niên vụ trước.

THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM



Nguồn: CTV AgroInfo

Giá cà phê trung bình trong nước tại các tỉnh Tây Nguyên tuần này giảm nhẹ so với tuần trước. Tại Đắk Lắk, giá cà phê Robusta bình quân trong tuần đạt 40.227 đồng/kg, giảm 2,06% so với tuần trước và tăng 26,55% so với cùng kỳ năm 2021. Tại Lâm Đồng, giá cà phê Robusta giảm 1,94% so với tuần trước, xuống mức bình quân 39.520 đồng/kg, tăng 26,32% so với cùng kỳ năm ngoái.

Giá cà phê xuất khẩu giao ngay (FOB) tại cảng Sài Gòn tuần này đạt 2.327,6 USD/tấn, giảm 3,22% so với tuần trước.

Sản lượng cà phê của Việt Nam trong niên vụ 2021-2022 được dự báo sẽ phục hồi và tăng 2,1 triệu bao so với niên vụ trước lên 31,1 triệu bao sau đợt khô hạn nghiêm trọng trong niên vụ trước.

Với cà phê robusta chiếm hơn 95% tổng sản lượng và giá có xu hướng tăng cao hơn trong 12 tháng qua, người trồng cà phê đã có động lực để tăng năng suất bằng cách sẵn sàng đầu tư nhiều hơn cho tưới tiêu cây cà phê trong mùa khô, thường kéo dài từ tháng 1 đến tháng 3.

Đồng thời, nông dân tiếp tục trồng xen cà phê với các loại trái cây khác như bơ và sầu riêng để tăng thu nhập.

Xuất khẩu cà phê của Việt Nam trong niên vụ 2021-2022 dự báo tăng 3,6 triệu bao so với niên vụ 2020-2021 lên 26 triệu bao, tồn kho cà phê cũng được dự báo giảm nhẹ.

Để nâng cao thu nhập trên một đơn vị diện tích, phần lớn nông dân đã thực hiện trồng xen nhiều loại cây ăn quả trong vườn cà phê. Tuy nhiên, bà con chủ yếu trồng theo sở thích và kinh nghiệm mà chưa áp dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật (KHKT) nên nhiều vườn cây trồng xen không mang lại hiệu quả kinh tế cao. Cụ thể, người dân thường trồng xen cây sầu riêng với mật độ rất dày, chủ yếu vào giữa ngã tư của hàng cà phê, bờ rào bao quanh vườn. Khi cây sầu riêng khép tán cản nhiều dinh dưỡng, ánh sáng thì 4 cây cà phê xung quanh dần cho năng suất kém, nhiều trường hợp phải loại bỏ cả 4 cây cà phê.

Trồng xen các loại cây ăn quả trong vườn cà phê đang là lựa chọn của nhiều nông dân trên địa bàn tỉnh Dak Lak. Nhằm hỗ trợ người dân có được vườn cây trồng xen mang lại hiệu quả cao, Trung tâm Khuyến nông – Giống cây trồng, vật nuôi và Thủy sản tỉnh đã triển khai Dự án “Xây dựng và phát triển mô hình trồng xen cây ăn quả trong vườn cà phê ở các tỉnh Tây Nguyên” (gọi tắt là dự án).

Dự án nhằm hướng dẫn nông dân tham gia trồng xen canh theo đúng kỹ thuật để mang lại hiệu quả cao hơn. Khi tham gia dự án, người dân được hỗ trợ 70% về giống, vật tư, phân bón; tập huấn, hướng dẫn KHKT để áp dụng vào sản xuất, bảo đảm năng suất cà phê đạt trên 3 tấn nhân/năm, thu nhập tăng 20% so với việc trồng thuần cà phê (sau khi cây ăn quả cho thu hoạch).

Rút kinh nghiệm từ những mô hình trồng xen kém hiệu quả, anh Lê Kiên Cường (thôn Ea K'sô, xã Ea Nam, huyện Ea H'leo) nhiều năm nay chỉ phát triển trồng thuần 1 ha cà phê. Tháng 8/2019, khi tiếp cận với dự án, anh Cường mạnh dạn nhổ 70 cây cà phê trong 1 ha cà phê kinh doanh để thực hiện trồng xen sầu riêng, bơ theo đúng quy trình kỹ thuật. Anh Cường cho hay, quy trình trồng xen với khoảng cách 12 x 12m, có mật độ 70 cây ăn quả/ha thấp hơn rất nhiều so với các vườn trồng xen của người dân hiện nay. Sau gần 3 năm, cây sầu riêng phát triển tốt, chiều cao trung bình 2,5 - 3 m, đường kính gốc đạt 3,5 - 8 cm. Ngoài được

tập huấn, chuyển giao KHKT, cán bộ nông nghiệp địa phương thường xuyên tới vườn kiểm tra, hỗ trợ định hình bộ khung cho cây, tỉa cành, tạo tán... để chuẩn bị bước vào giai đoạn kinh doanh. Riêng cây bơ, bước vào năm thứ 3 sau khi trồng hầu hết đã cho thu hoạch bói. Đặc biệt, vườn cà phê của gia đình anh Cường vẫn cho năng suất cao, đạt 3,8 - 4 tấn/ha.

Gia đình chị H'Đàn Niê (buôn Sút H'Luốt, xã Cư Suê, huyện Cư M'gar) có 1,2 ha cà phê nhưng không hiệu quả. Năm 2018, chị H'Đàn phá bỏ 1 ha cà phê kém năng suất, tiếp tục tái canh. Chị tìm đến các mô hình trồng xen có hiệu quả, học hỏi kinh nghiệm để phát triển tại vườn cà phê của mình. Tháng 8/2019, chị H'Đàn được tham gia vào dự án, chị đã thay thế 70 cây cà phê bằng cây sầu riêng. Trước đây mỗi năm gia đình chị phun thuốc bảo vệ thực vật ít nhất 4 lần/năm, còn hiện nay chỉ sử dụng thuốc 2 lần/năm, hầu hết sử dụng phân vi sinh, vôi bột... Mật độ cây thoáng hơn trước, chị H'Đàn chỉ phát sạch cỏ tại gốc, còn lại chỉ cắt ngắn cỏ nhằm giữ độ ẩm. Từ đó, các loại cây trong vườn trồng xen của chị H'Đàn phát triển tốt, tiết kiệm chi phí hơn so với mọi năm.

Nguồn tham khảo:

1. <https://www.theice.com/index>
2. <https://www.iandmsmith.com/>
3. <https://www.comunicaffe.com>
4. CTV và trang tin Tin Tây Nguyên
5. <https://giacaphe.com>
6. <https://www.comunicaffe.com/>
7. <https://baodaklak.vn/kinh-te/202201/hieu-qua-tu-mo-hinh-xen-can-3f84b09/>

Giá cà phê nhân xô

Đơn vị: VNĐ/kg

Tỉnh/ huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Trung bình	Tăng/ giảm
LÂM ĐỒNG	40,000	39,400	39,500	39,600	39,100	39,520	-780
Bảo Lộc	40,000	39,400	39,500	39,600	39,100	39,520	-780
Di Linh	40,000	39,400	39,500	39,600	39,100	39,520	-780
Lâm Hà	40,000	39,400	39,500	39,600	39,100	39,520	-780
ĐẮK LẮK	40,733	40,133	40,100	40,333	39,833	40,227	-847
Cư M'gar	40,800	40,200	40,300	40,400	39,900	40,320	-820
Ea H'leo	40,700	40,100	40,000	40,300	39,800	40,180	-860
Buôn Hồ	40,700	40,100	40,000	40,300	39,800	40,180	-860
GIA LAI	40,733	40,133	40,233	40,233	39,733	40,213	-780
Pleiku	40,700	40,100	40,200	40,200	39,700	40,180	-780
Chư Prông	40,800	40,200	40,300	40,300	39,800	40,280	-780
La Grai	40,700	40,100	40,200	40,200	39,700	40,180	-780
ĐẮK NÔNG	40,650	40,050	40,150	40,250	39,750	40,170	-820
Đắk R'lấp	40,600	40,000	40,100	40,200	39,700	40,120	-820
Gia Nghĩa	40,700	40,100	40,200	40,300	39,800	40,220	-820
KON TUM	40,700	40,100	40,200	40,200	39,700	40,180	-780
Đắk Hà	40,700	40,100	40,200	40,200	39,700	40,180	-780
HỒ CHÍ MINH (USD/tấn)	2,371	2,315	2,323	2,337	2,292	2,328	-77.40

Nguồn: CTV Agroinfo, Giacaphe.com



Bản tin được thực hiện bởi **AGROiNFO**

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: info@agro.gov.vn

Website: www.agro.gov.vn